

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM
VIETNAM STONE WORK – TOP FABRICATION J.S.C

-----***-----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM
NĂM 2010

HÀ NỘI - 2011

MỤC LỤC

I.LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	5
III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	7
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	15
V.BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....	15
VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	15
VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	17
VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	23

I.LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I.1- Những sự kiện quan trọng

Công ty CP Chế tác đá Việt nam được thành lập theo biên bản thoả thuận góp vốn thành lập công ty ngày 22/01/2007, bao gồm các cổ đông sáng lập là Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex, Công ty CP Phát triển Thương Mại Việt Nam và Ông Phạm Trí Dũng, vốn điều lệ ban đầu là: **20 tỷ đồng**

Sau khi có sự thoả thuận góp vốn của các cổ đông sáng lập về việc chuyển nhượng cổ phần của Ông Phạm Trí Dũng là cổ đông sáng lập cho Ông Phạm Minh Hùng, và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 của Công ty ngày 26/06/2008 thông qua, Ông Phạm Minh Hùng trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Công ty CP Phát triển Thương Mại Việt Nam xin rút không là cổ đông sáng lập của Công ty do không góp đủ phần vốn như đã thoả thuận.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 và 2009 đã phê duyệt phương án phát hành tăng vốn điều lệ cho cổ đông chiến lược theo phương thức chào bán riêng lẻ, từ 20 tỷ đồng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng năm 2008 và 40 tỷ đồng năm 2009.

Cơ cấu cổ đông đến ngày 05/03/2010 (là ngày chốt danh sách để đăng ký lưu ký chứng khoán theo quy định tại công văn số: 1044 /UBCK-QLPH ngày 04/06/2009 của UBCKNN, đến thời điểm hiện tại chưa có sự thay đổi so với danh sách đã đăng ký do Công ty mới thực hiện đăng ký lưu ký chưa đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán):

- Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex : 2.040.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 51%
- Ông Phạm Minh Hùng : 200.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 5 %
- Ông Phạm Trí Dũng : 8.100 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,2%
- Các cổ đông khác : 1.751.900 cổ phần chiếm tỷ lệ 43,8%

Với hơn một trăm nhà đầu tư sở hữu, Công ty đã nộp hồ sơ Công ty đại chúng cho Ủy Ban chứng khoán theo quy định, và trở thành Công ty đại chúng hoạt động theo Luật chứng khoán và Luật doanh nghiệp từ ngày 21/06/2007.

Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số: **85/2010/GCNCP-VSD** ngày 05/04/2010 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp, mã chứng khoán là : **STV**. Hiện tại Công ty mới thực hiện đăng ký lưu ký, chưa thực hiện đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán.

Giới thiệu về Công ty :

- Tên công ty : Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- Tên giao dịch : Viet Nam Stone Work - Top Fabrication Joint Stock Company
- Tên viết tắt : STONE VIETNAM
- Trụ sở chính : Khu công nghiệp CNC, Khu CNC Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04 – 33601860 Fax : 04 – 33688305
- Email : info@stonevietnam.vn
- Website : www.stonevietnam.vn
- Vốn điều lệ : 40.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0500555916 (Chuyển từ số ĐKKD 0303000640) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/02/2007 và đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25/05/2010

I.2- Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng
- Sản xuất, mua bán sơn, khoá, bản lề, cửa, đồ sành sứ, thủy tinh, pha lê, thiết bị vệ sinh, hàng cơ khí
- Sản xuất, gia công, mua bán phôi thép, thép các loại; Sản xuất mua bán các sản phẩm trang trí nội, ngoại thất
- Sản xuất, chế biến, mua bán gỗ và đồ gỗ (trừ loại gỗ nhà nước cấm)
- Sản xuất, mua bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y)
- Sản xuất và mua bán hàng dệt, may mặc, đồ da, hàng thủ công ,mỹ nghệ
- Mua bán vật tư, máy , móc thiết bị ngành cơ khí xây dựng; Mua bán vật tư máy móc thiết bị ngành dệt, may mặc, đồ da.
- Mua bán, sửa chữa thiết bị, linh kiện, phương tiện giao thông vận tải
- Mua bán rượu, bia, thuốc lá, đồ mỹ nghệ, đồ giải khát, đồ gia dụng, điện, điện tử, điện lạnh
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí : cầu lông, bóng bàn, bia, tennis (Không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
- Chuyển giao công nghệ
- Khai thác chế biến các loại khoáng sản

- Dịch vụ vận tải hàng hoá
- Đầu tư phát triển nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; kinh doanh bất động sản.

I.3- Tình hình hoạt động

Năm 2010 là năm thứ ba kể từ khi Công ty đi vào hoạt động với sự đầu tư có chọn lọc và bộ máy quản lý đã được cơ cấu phù hợp, đội ngũ kỹ sư, cử nhân được tuyển dụng, đào tạo và đào tạo nâng cao, trình độ tay nghề của công nhân ngày một thành thạo, nâng cao năng suất chất lượng và cải tiến kỹ thuật. Sản phẩm của Công ty đã được nhiều doanh nghiệp và người tiêu dùng biết đến.

Đặc biệt trong năm qua sản phẩm của Công ty đã đạt được những thành công cho mục tiêu thâm nhập vào phân khúc thị trường là dự án trong nước và đã mang lại tỷ trọng lớn cho doanh thu như: Dự án “Trung tâm thương mại Bắc An Khánh” do liên doanh Posco-Vinaconex làm chủ đầu tư, Dự án “Trung tâm thương mại và nhà ở 229 Tây sơn – Hà nội” do Công ty CP hóa dầu quân đội làm chủ đầu tư, Dự án “Sea Bank Tower 324 Tây sơn –Hà nội” do tập đoàn BRG làm chủ đầu tư..

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010, về tổng doanh thu đạt **30,75 tỷ đồng**, đạt 99,83 % so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt **6,35 tỷ** đạt 70,2% kế hoạch. Mặc dù chưa đạt được chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận, song đây cũng là kết quả tương đối khả quan, làm tiền đề để định hướng phát triển cho Công ty trong những năm tiếp theo..

I.4- Định hướng phát triển

I.4.1- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tạo thị trường ổn định cho sản phẩm đầu ra.
- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông; đảm bảo quyền lợi của Công ty, cổ đông và quyền lợi của người lao động.
- Đảm bảo phát triển doanh nghiệp và môi trường bền vững.

I.4.2- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đẩy mạnh xuất khẩu thông qua Công ty mẹ, phát triển nhanh thị trường trong nước chủ yếu vào các lĩnh vực: các dự án chung cư cao cấp, trung tâm thương mại, khách sạn, các khu biệt thự và các khu vui chơi, giải trí... Mở rộng hệ thống phân phối thông qua các Đại lý tại các khu vực: Hà nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.
- Xây dựng thương hiệu. STONE VIETNAM trở thành thương hiệu hàng đầu ở Việt nam và thế giới về lĩnh vực chế tác các sản phẩm từ đá nhân tạo cao cấp.

- Mở rộng các ngành nghề kinh doanh khác trong điều kiện cho phép phù hợp với chiến lược dài hạn của Công ty.
- Tiêu thụ khoảng 20% công suất sản xuất của Công ty Vicosotne và Style Stone.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

II.1- Những nét nổi bật của trong năm 2010

- Kết quả sản xuất, kinh doanh tăng trưởng vượt bậc: Doanh thu so với năm 2009 tăng hơn 3 lần là năm đầu tiên hoạt động kinh doanh có lãi, không có lỗ lũy kế.
- Công ăn việc làm ổn định, đời sống và môi trường làm việc của người lao động được cải thiện đáng kể, thu nhập bình quân tăng 35.5% so với năm 2009.
- Chỉ đạo thực hiện thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2010
- Chỉ đạo hoàn thiện thủ tục đăng ký lưu ký chứng khoán theo quy định của UBCKNN, và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu ký số: **85/2010/GCNCP-VSD** ngày **05/04/2010** do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp với mã chứng khoán là: **STV**.

II.2- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Trước những khó khăn do suy thoái kinh tế toàn cầu và những biến động về giá cả, thị trường trong nước, HĐQT đã có những chỉ đạo kịp thời nhằm tháo gỡ những khó khăn, ổn định sản xuất đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập của người lao động cũng như tạo đà cho việc thực hiện kế hoạch những năm tiếp theo.

Một số chỉ tiêu chủ yếu đã thực hiện năm 2010 (Đơn vị tính: 1.000 VND):

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Doanh thu	30.800	30.748,5	99,83
2	Lợi nhuận trước thuế	9.045	6.350	70,20
3	Tỷ lệ cổ tức	15%	10%	66,67

- Trong đó:
- *Doanh thu từ bán hàng trong nước đạt 20,16 tỷ đồng chiếm 65,57% tổng doanh thu*
 - *Doanh thu từ gia công xuất khẩu gián tiếp qua Công ty mẹ là 9,28 tỷ đồng chiếm 30,18% tổng doanh thu*
 - *Doanh thu khác là 1,31 tỷ đồng chiếm 4,25% tổng doanh thu*

Mặc dù chưa đạt được kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận như kế hoạch đã đặt ra nhưng nó cũng đã đánh dấu sự tăng trưởng vượt bậc so với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009 làm cơ sở vững chắc cho việc đặt ra các chỉ tiêu tăng trưởng cho những năm tiếp theo.

II.3- Những thay đổi chủ yếu trong năm

Ngoài việc đẩy mạnh thị trường xuất khẩu, HĐQT đã chỉ đạo cần tập trung nhiều hơn nữa cho việc bán hàng trong nước thông qua hệ thống phân phối các Đại lý tại các thành phố lớn, quan tâm đặc biệt đến phân khúc thị trường là các dự án xây dựng trung và cao cấp. Do vậy kết quả đạt được là: Doanh thu bán hàng trong nước tăng gấp 5 lần so với năm 2009 và đã thực hiện được một số dự án lớn trong đó có thể kể đến:

STT	Dự án	Thị trường	Giá trị hợp đồng	Ghi chú
1	TTTTM Bắc An Khánh	Hà Nội	3.116.696.748	<i>Đã quyết toán xong trong năm 2010</i>
2	TTTTM “Mippec Tower”	Hà Nội	14.742.000.000	<i>Đang thực hiện, quyết toán được một phần</i>
3	Dự án “Seabank Tower”	Hà Nội	901.766.320	<i>Đã quyết toán xong trong năm 2010</i>

Hoàn thành dự án: Nhà xưởng số 2; Đầu tư cho việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và trang bị thêm một số thiết bị làm việc tại các phòng ban-phân xưởng để phục vụ cho kế hoạch mở rộng sản xuất, kinh doanh cho năm 2011 và những năm tiếp theo.

II.4- Kế hoạch cho những năm tiếp theo

Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế, mặc dù hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu vẫn chưa chấm dứt, nhưng đã có dấu hiệu chững lại và theo dự báo sẽ bước sang giai đoạn tăng trưởng chậm nhưng bền vững.

Mặt khác, từ thực tế doanh thu bán hàng trong nước trong năm qua đã tăng nhiều lần so với năm 2009 điều đó chứng tỏ nhu cầu sử dụng sản phẩm cao cấp, an toàn cho môi trường sống đã được nhiều tổ chức và người tiêu dùng trong nước quan tâm.

Hiện nay, các dự án chung cư cao cấp, các khu biệt thự, khu nghỉ ngơi giải trí đang được triển khai ở nhiều tỉnh thành trong cả nước, đặc biệt là ở các thành phố lớn, các trung tâm kinh tế như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,...có nhu cầu rất lớn về sử dụng sản phẩm đá cao cấp đã qua chế tác trước đây phải nhập khẩu với giá rất cao, đây là một thị trường rất tiềm năng.

Do vậy ngoài việc tập trung phát triển tiêu thụ sản phẩm trong nước cũng cần có những giải pháp mạnh mẽ để tăng thị phần xuất khẩu đến các nước trên thế giới nhằm tạo đầu ra cho sản phẩm có một thị trường ổn định, vững chắc và không ngừng được mở rộng

Một số chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2011 và các năm tiếp theo:

Các chỉ tiêu	Đvt	2011	2012	2013
Tổng doanh thu	Tr. đồng	56.000	84.000	105.000
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	12.364	19.800	25.700
Tỷ lệ cổ tức	%	15	15	15

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

III.1- Tóm tắt hoạt động kinh doanh năm 2010 và kế hoạch năm 2011

Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Tổng Doanh thu : 30,8 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 9,045 tỷ đồng
- Cổ tức : 15%/mệnh giá

Ngay sau khi kế hoạch SXKD được thông qua. Hàng loạt các biện pháp cụ thể đã được Ban giám đốc đề xuất với HĐQT và đã thực hiện một cách quyết liệt, kịp thời cùng với những nỗ lực cố gắng của toàn thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên trong Công ty nên đã đạt được kết quả đáng khích lệ, cụ thể:

- Doanh thu thực hiện là: **30,75 tỷ đồng** đạt 99,83% so với kế hoạch. Trong đó:
 - + Doanh thu bán hàng trong nước là: **20,16 tỷ đồng** đạt 103,4%.
 - + Doanh thu X.khẩu gián tiếp (qua Vicostone) là: **9,28 tỷ đồng** đạt 88,37%.
 - + Doanh thu khác là: **1,31 tỷ đồng** đạt 163,31%
- Lợi nhuận trước thuế đạt **6,35 tỷ đồng** đạt 70,2% so với kế hoạch,
- Tỷ lệ cổ tức: **10%** /mệnh giá đạt 66,67% kế hoạch đặt ra.
- Thu nhập bình quân của người lao động/tháng: 4,152 triệu đạt 103,8%.

Tuy chưa đạt được tất cả các mục tiêu đã đề ra nhưng kết quả SXKD năm 2010 cũng là một thành quả vượt bậc so với những năm trước đó và làm tiền đề phấn đấu cho những năm tiếp theo.

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2010
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2011**

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2010			Năm 2011	
			Kế hoạch	Thực hiện	% T. hiện /Kế hoạch	Kế hoạch	% Tăng trưởng /TH 2010
I	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	Tr.đồng	-	31.505	-	62.000	96,8
1	Giá trị SX xây lắp	nt	-	13.538	-	29.000	114,2
2	GT SXCN, VLXD	nt		17.967	-	33.000	83,7
3	Kim ngạch XNK hàng hoá	Tr.USD		0,02	-	0,07	290,8
	+ Nhập khẩu hàng hoá	nt		0,02	-	0,07	290,8
	+ Xuất khẩu hàng hoá	nt		-	-	-	-
II	TỔNG DOANH THU	Tr.đồng	30.800	30.748,5	99,83	56.000	82,1
1	D thu bán hàng trong nước	Tr.đồng	19.500	20.163	103,40	39.000	93,4
2	D.thu XK gián tiếp (qua VCS)	Tr.đồng	10.500	9.279	88,37	14.000	50,9
3	Doanh thu khác	Tr.đồng	800	1.306	-	3.000	129,6
III	T.LỢI NHUẬN T.THUẾ	Tr.đồng	9.045	6.350	70,20	12.364	94,7
IV	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Tr.đồng	33.434	34.556	103,35	36.496	5,6
1	Nguyên giá	Tr.đồng	40.791	41.989	102,94	48.489	15,5
2	Mức khấu hao lũy kế	Tr.đồng	7.356	7.433	101,05	11.993	61,3
V	CÁC KHOẢN NỢ NSNN	Tr.đồng	2.233	1.273	57,01	3.203	151,6
VI	TỔNG CHI PHÍ	Tr.đồng	21.755	24.399	112,15	43.636	78,8
	<i>Trong đó:</i>						
1	Chi phí BH, QLDN	Tr.đồng		4.282	-	7.850	83,3
2	Chi phí Lãi vay	Tr.đồng		183	-	1.236	575,6
VII	TỶ SUẤT CỔ TỨC	%	15%	10%	66,67	15%	50,00
VIII	ĐẦU TƯ	Tr.đồng	5.500	6.698	121,79	12.500	86,61
1	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	4.500	6.676,7	148,37	2.500	(62,6)
2	Đầu tư TB	Tr.đồng	1.000	21,8	2,18	10.000	45.856
IX	LAO ĐỘNG VÀ T.LƯƠNG						
1	Số L.động đến cuối kỳ báo cáo	Người	80	121	151,25	180	48,8
2	Số lượng lao động BQ cả năm	Người	80	90	112,50	150	66,7
3	Thu nhập bình quân /tháng	Ng.đồng	4.000	4.152	103,80	5.000	20,4

III.2- Tình hình tài chính

Đến ngày 31/12/2010, tình hình tài chính Công ty như sau:

- Tổng tài sản	: 52.545.681.497 đồng
+ Tài sản ngắn hạn	: 16.434.728.784 đồng
+ Tài sản dài hạn	: 36.110.952.713 đồng
- Tổng nguồn vốn	: 52.545.681.497 đồng
+ Nợ phải trả	: 7.412.756.059 đồng
+ Vốn chủ sở hữu	: 45.132.925.438 đồng

Trong đó nợ vay Ngân hàng : **1.760.676.000 đồng** (vay trung và dài hạn).

Trong năm 2010, Công ty đã thu xếp các nguồn vốn để đảm bảo khả năng trả nợ ngân hàng không có nợ quá hạn.

* *Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
1	Cơ cấu tài sản (lần)		
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	0,31	0,22
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	0,69	0,78
2	Cơ cấu nguồn vốn (lần)		
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	0,14	0,08
	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	0,86	0,92
3	Khả năng thanh toán (lần)		
	Khả năng thanh toán nhanh	1,61	6,40
	Khả năng thanh toán hiện hành	0,39	0,86
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	10,69%	-
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	19,07%	-
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	12,44%	-

Trong đó:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2010 tăng trưởng 202,8%, giá vốn tăng 188,43%, lợi nhuận gộp tăng 232,95% so với năm 2009. Tỷ lệ lãi gộp/doanh thu năm 2010 là 33,79% tăng 3,13% so với năm 2009.
- Chi phí hoạt động tài chính năm 2010 tăng 28,28% so với năm 2009, mặc dù trong năm 2010 chỉ trả nợ tiền vay dài hạn theo kế hoạch, không phát sinh nghiệp vụ vay thêm (cả về ngắn hạn và trung hạn), nhưng do biến động của tỷ giá với biên độ lớn đã làm cho chi phí hoạt động tài chính tăng, chi phí chênh lệch tỷ giá của năm 2010 chiếm 55,6% trên tổng chi phí tài chính. Do đó, mặc dù Doanh thu hoạt động tài chính năm nay tăng 254,36% so với năm 2009 nhưng vẫn không đủ để bù đắp chi phí, làm cho hoạt động tài chính năm nay bị lỗ 83,13 triệu VND ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận trong kỳ, dù rất nhỏ.
- Chi phí BH và QLDN năm 2010 tăng 51,84% so với năm trước nhưng vẫn không ảnh hưởng đến kết quả SXKD mà vẫn đem lại hiệu quả cụ thể: Tỷ lệ chi phí BH và QLDN/Doanh thu năm 2010 là 14,54% giảm 14,39% so với năm 2009
- Lợi nhuận trước thuế từ con số không vào năm 2009 nhưng năm 2010 đã đạt 6,35 tỷ đồng. Việc sử dụng vốn và tài sản đã có hiệu quả hơn năm 2009 thể hiện: Lợi nhuận sau thuế/VCSH đạt 12,44% và LNST/Tổng tài sản đạt 10,69%
- Khả năng thanh toán nhanh >1, công ty vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán nợ đến hạn.
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010 là : **11.283** đồng/cổ phần

III.3- Công tác Quản trị Doanh nghiệp***III.3.1- Công tác tổ chức – nhân sự***

Xác định con người là yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công của Doanh nghiệp, trong năm 2010 Công ty đã tiến hành những công việc cụ thể:

- Ổn định bộ máy quản lý, tăng cường năng lực quản lý công việc tại những vị trí quan trọng.
- Tuyển dụng thêm nguồn nhân lực cho các vị trí còn thiếu hụt. Đào tạo lại và đào tạo nâng cao, duy trì nguồn nhân lực ổn định hiệu quả.
- Chăm sóc, thực hiện đầy đủ quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật. Cải tiến chính sách tiền lương theo hướng minh bạch, công bằng, thúc đẩy sáng tạo, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và có lợi cho người lao động. Do vậy thu

nhập bình quân/tháng của người lao động là 4,152 triệu VND, tăng 35,5% so với năm 2009.

- Động viên, khen thưởng kịp thời những CBCNV, tập thể có thành tích tốt trong lao động, sản xuất. Tạo động lực thi đua, phấn đấu đạt thành tích cao trong sản xuất của CBCNV.

III.3.2- Công tác thị trường

Trong năm 2010 công tác thị trường đã được những bước tiến quan trọng, đặc biệt là việc quảng bá và bán hàng trong nước.

Doanh số bán hàng xuất khẩu có tăng so với 2009 nhưng vẫn chưa đạt kế hoạch Năng lực tìm kiếm thị trường xuất khẩu cho sản phẩm còn yếu, vẫn hoàn toàn phụ thuộc vào Công ty mẹ.

Các kết quả trên đã thể hiện sự cố gắng rất lớn và đáng khích lệ; Tuy nhiên, các giải pháp đã thực hiện còn chưa đồng bộ, chưa tương xứng với tiềm năng của Công ty và nhu cầu của thị trường. Do vậy, trong năm tới cần phải có những hành động quyết liệt và cụ thể hơn nữa nhằm tạo ra một thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định và ngày càng phát triển.

III.3.3- Công tác tài chính - kế toán

Tiếp tục được kiện toàn, không để xảy ra hiện tượng vi phạm các nguyên tắc, quy định về quản lý tài chính gây thất thoát và lãng phí cho Công ty, cụ thể:

- **Công tác hạch toán và báo cáo tài chính:** Số liệu phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty luôn được cập nhật đầy đủ, chính xác, cụ thể: Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán với số liệu chính xác và không bị loại trừ.
- **Thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước :** Công ty thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước theo quy định của pháp luật, thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010
I	Tổng số thuế phải nộp	1.273.396.785
1	Số năm trước chuyển sang	13.033.998
	+ Thuế Nhập khẩu	9.213.023
	+ Thuế thu nhập cá nhân	3.820.975
2	Số phát sinh trong năm	1.260.362.787
	+ Thuế GTGT hàng bán nội địa	386.200.113
	+ Thuế GTGT hàng NK	27.927.099

	+ Thuế Nhập khẩu	53.966.681
	+ Thuế Thu nhập DN	734.490.212
	+ Thuế thu nhập cá nhân	54.778.682
	+ Thuế khác	3.000.000
II	Tổng số thuế đã nộp	683.425.718
	+ Thuế GTGT hàng bán nội địa	386.200.113
	+ Thuế GTGT hàng NK	27.927.099
	+ Thuế Nhập khẩu	37.314.099
	+ Thuế Thu nhập DN	177.718.236
	+ Thuế thu nhập cá nhân	51.266.171
	+ Thuế khác	3.000.000
III	Số thuế còn phải nộp chuyển năm sau	589.971.067
	+ Thuế GTGT hàng bán nội địa	-
	+ Thuế GTGT hàng NK	-
	+ Thuế Nhập khẩu	25.865.605
	+ Thuế Thu nhập DN	556.771.976
	+ Thuế thu nhập cá nhân	7.333.486
	+ Thuế khác	-

Công tác quản lý chi phí: thường xuyên cập nhật, cung cấp số liệu đầy đủ, chính xác. Tuy nhiên, có những lúc còn chưa kịp thời và số liệu chưa tập trung nên phần nào đã làm ảnh đến công tác điều hành chung.

III.3.4- Công tác quản lý thiết bị- kỹ thuật và quản lý chất lượng:

Việc đào tạo công nhân vận hành, sử dụng thiết bị được chú trọng, ngoài ra công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ được lập kế hoạch chi tiết và thực hiện nghiêm túc đã góp phần bảo toàn và nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị.

Việc quản lý chất lượng đầu vào, thành phẩm đầu ra, kiểm soát các quá trình sản xuất được thực hiện nghiêm túc đảm bảo các yêu cầu đối với sản phẩm và các tiêu chuẩn riêng biệt theo yêu cầu của khách hàng.

III.4- Các biện pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2011

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010 và kế hoạch năm 2011, với mục tiêu đề ra là tăng trưởng về doanh thu: 82,1%, tăng trưởng lợi nhuận:94,7% so với thực hiện năm 2010. Để hoàn thành các mục tiêu trên cần sự cố gắng, nỗ lực rất lớn từ Ban lãnh đạo đến toàn thể CBCNV trong Công ty. Ngoài ra, cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

III.4.1- Tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường:

- Không ngừng nghiên cứu cải tiến, nâng cao kỹ năng chế tác và tăng cường sự kiểm soát để tạo ra các sản phẩm đẹp, chất lượng cao và ổn định thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Tính toán chi phí hợp lý, nâng cao năng suất lao động để tạo ra sự cạnh tranh về giá.
- Ban hành chính sách hậu mãi, khuyến mại hợp lý nhằm thu hút khách hàng.
- Triển khai sản xuất khăn trương, đúng tiến độ khi nhận được đơn hàng.
- Thực hiện tốt các dịch vụ trước, trong và sau bán hàng. Thỏa mãn 100% nhu cầu của khách hàng.
- Tạo ra một số sản phẩm thông dụng làm sẵn để bày bán tại các cửa hàng, Đại lý như mặt bàn, kệ... phù hợp về kiểu dáng, kích thước để sử dụng trong gia đình, nhà hàng.

III.4.2- Phát triển hệ thống Đại lý tại các vùng miền.

Trong năm 2010 việc bán hàng thông qua các Đại lý đã đạt được những tiến bộ . Tuy nhiên, doanh thu bán hàng còn rất thấp đạt khoảng 5% doanh thu từ bán hàng trong nước. Số Đại lý còn ít (04) chỉ tập tại khu vực Hà nội, nhưng hiệu quả lại không đồng đều. Chưa mở được các Đại lý tại các khu vực khác. Do vậy, cần thực hiện một số biện pháp sau:

- Đối với các Đại lý hiện có cần đánh giá lại về hiệu quả và tiềm năng phát triển trong tương lai. Chấm dứt Hợp đồng với các Đại lý không đáp ứng được yêu cầu.
- Đầu tư thích đáng về cơ sở vật chất ban đầu, có chính sách ưu tiên và quy định cụ thể với các Đại lý sau khi đã ký kết.
- Xây dựng thêm các Đại lý nhưng không mở rộng tràn lan tại các khu vực : Hà nội, TP Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng và một số địa bàn khác khi thấy cần thiết trên cơ sở đánh giá năng lực và tiềm năng như : địa điểm, kinh nghiệm, thương hiệu, khả năng thanh toán và có chiến lược khả thi...
- Hàng quý cần có đánh giá cụ thể về các Đại lý đã được ký kết dựa trên cơ sở : Doanh số, khả năng thanh toán, số lượng dự kiến tiêu thụ trong Quý sau và ý kiến phản hồi của Đại lý để từ đó có cơ sở hỗ trợ hoặc điều chỉnh chính sách hoặc chấm dứt Hợp đồng.

III.4.3- Trở thành nhà cung cấp có uy tín cho các dự án lớn, các công trình trọng

điểm ở Việt nam.

- Thành lập bộ phận bán hàng dự án để tiếp cận với các dự án trong nước và thực hiện dự án một cách chuyên nghiệp, hiệu quả và kịp thời.

- Có chính sách chiết khấu hợp lý theo quy mô dự án.
- Thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện và hiệu quả mang lại từ các dự án để có những điều chỉnh phù hợp.

III.4.4- Đẩy mạnh công tác xuất khẩu.

Hiện tại, Công ty chưa đủ năng lực và uy tín để trực tiếp xuất sản phẩm của mình đến các thị trường ngoài nước. Do vậy, trước mắt cần phải tận dụng triệt để sự hỗ trợ đặc lực từ Công ty mẹ (Vicostone).

III.4.5- Triển khai các hoạt động quảng cáo.

- Khẩn trương xây dựng trang Website của Công ty và thường xuyên cập nhật các thông tin cần thiết để biến chúng trở thành cẩm nang tra cứu thuận tiện cho khách hàng khi có nhu cầu tìm hiểu, liên hệ và sử dụng sản phẩm của Công ty cũng như các hoạt động của Công ty.
- Tham gia triển lãm về xây dựng, vật liệu và kiến trúc cùng với Công ty mẹ.
- Giới thiệu sản phẩm và hình ảnh của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng, Tờ rơi, đĩa CD...

III.4.6- Phát triển nguồn nhân lực:

- Tuyển dụng nhân công có chất lượng đảm bảo phục vụ trước mắt và lâu dài
- Điều chỉnh, bố trí nhân lực phù hợp theo năng lực.
- Đào tạo thêm và đào tạo lại phù hợp với nhu cầu thực tế công việc và phục vụ cho chiến lược phát triển của Công ty.

III.4.7- Đầu tư các trang thiết bị cần thiết.

III.4.8- Xây dựng HTQLCL theo ISO 9001:2008; HTQLMT theo ISO 14000 và biến chúng thành công cụ hữu hiệu phục vụ cho việc quản lý và điều hành của Công ty.

III.4.9- Chăm lo đời sống của người lao động về vật chất và tinh thần:

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh, nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc.
- Trả lương và có chính sách đãi ngộ tương xứng với kết quả công hiến.

III.4.10- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chi phí hiệu quả.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010 – Trang 29 ->53)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

– CHI NHÁNH HÀ NỘI

- Địa chỉ : 40 Giảng Võ, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại : 04 7367879 Fax: 04 7367869
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn (A&C) là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo Tài chính của Công ty các năm 2008 và 2009.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 21/2011/BCTC-KTTV-KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2011, từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty, Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban

Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số IV.11 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ. Việc áp dụng chính sách kế toán này làm cho khoản chênh lệch tỷ giá hồi đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là (36.752.651) VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hồi đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí nếu áp dụng theo chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

(Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

VI.1- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty CP Chế tác đá VN

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ÓP LÁT CAO CẤP VINACONEX**
- Tên giao dịch: **VINACONEX ADVANCED COMPOUND STONE JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **VICOSTONE**
- Địa chỉ: **Km 28 đường cao tốc Láng – Hòa Lạc, Lô A2, Khu CNC Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội**
- Điện thoại: **04 3368 5827** Fax: **04 3368 6652**
- Vốn điều lệ: **210.666.000.000 đồng**
- Tên chứng khoán: **Cổ phiếu Công ty cổ phần đá ốp lát cao cấp Vinaconex**
- Mệnh giá: **10.000 đồng**
- Mã chứng khoán: **VCS**
- Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: **21.066.600 CP**

- Lĩnh vực hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh đá ốp lát nhân tạo cao cấp và các loại vật liệu xây dựng khác.

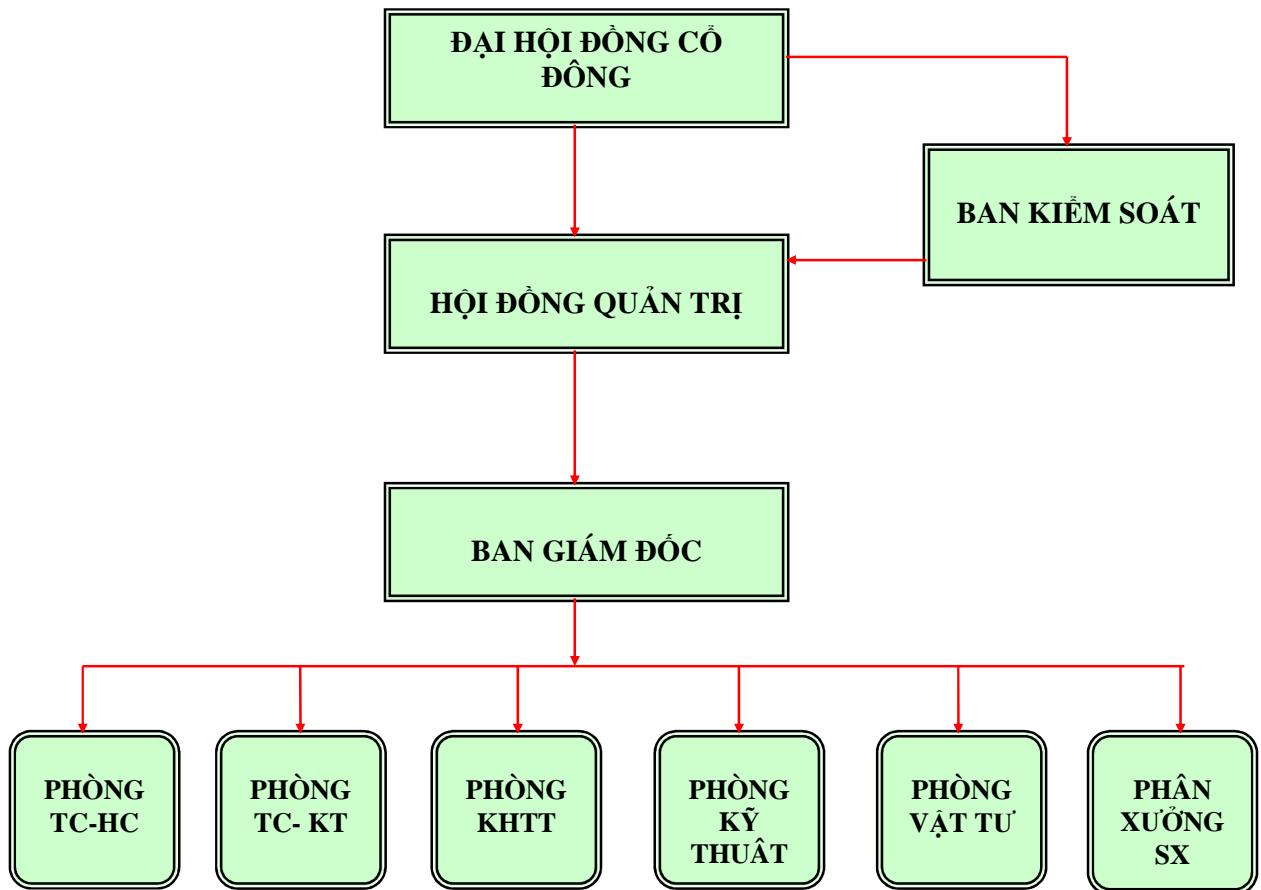
VI.2- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do StoneVietnam nắm giữ: Không

VI.3- Công ty có vốn cổ phần/ vốn góp của Stone Vietnam : Không

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

VII.1- Cơ cấu tổ chức của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY STONE VIETNAM



VII.2- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty Stone Vietnam gồm:

- Ông Phạm Trí Dũng : CTHĐQT Kiêm Giám đốc
- Ông Phùng Văn Toàn: UVHĐQT Kiêm Phó Giám đốc
- Ông Phạm Minh Hùng : UVHĐQT Kiêm Phó Giám đốc
- Ông Ninh Quốc Cường : Phó Giám đốc

VII.2.1. Ông Phạm Trí Dũng

- Ngày, tháng, năm sinh: 18 tháng 10 năm 1971
- Số CMND: 161914249
- Ngày cấp: 14/06/2007 Nơi cấp: CA tỉnh Nam Định
- Quê quán: xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số 39, ngõ 37, Phố Vĩnh Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0904 386 541
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh: Thành thạo; Tiếng Nga: Thành thạo
- Trình độ chính trị : Sơ cấp
- Quá trình công tác:
 - + 1989 – 1990: Sinh viên khoa lưu học sinh Trường ĐH Ngoại Ngữ Hà Nội
 - + 1990 – 1997: Sinh viên Học viện ấn loát Maxcova – Nga
 - + 1997 – 1998: Học Tiếng Anh chuyên ngành hàng không tại “Trung tâm tiếng Anh chuyên ngành”, số 1 Phạm Ngũ Lão, Hà Nội.
 - + 3/1998 - 7/2001: Kỹ thuật viên tại Cụm cảng hàng không Miền Bắc
 - + 8/2001 - 4/2004: Phó trưởng phòng Phụ trách xuất khẩu lao động Công ty Cổ phần kinh doanh Vinaconex
 - + 5/2004 - 11/2005: Trưởng phòng Kế hoạch - Thị trường CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
 - + 12/2005 - 01/2007: Phó Giám đốc CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
 - + 02/2007- 04/2010: Ủy viên Ban chấp hành Đảng uỷ, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex, Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
 - + 04/2010 – nay: Ủy viên Ban chấp hành Đảng uỷ, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex, Chủ tịch HĐQT kiêm G.đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 8.100 cổ phần

VII.2.2 Ông Phùng Văn Toàn

- Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ngày, tháng, năm sinh: 04 tháng 02 năm 1962
- Số CMND: 090793656
- Ngày cấp: 21/10/1999 Nơi cấp: CA tỉnh Thái Nguyên
- Quê quán: Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Tây
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ: Mễ Trì Thượng, Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0902 416 632
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư động lực
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ A
- Trình độ chính trị: Sơ cấp
- Quá trình công tác:
 - + 1985 - 1997: Kỹ thuật viên Công ty Diesel Sông Công
 - + 1997 - 1998: Phó Phòng Thiết kế Công ty Diesel Sông Công
 - + 1998 - 05/2005: Trưởng Phòng Thiết kế Công ty Diesel Sông Công
 - + 05/2005 - 12/2007: Tr.Phòng Kỹ thuật CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
 - + 12/2007 – 04/2008 : Phó Giám đốc CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
 - + 04/2008 - 10/2009: Bí thư chi bộ, UV HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
 - + 10/2009- Nay: Bí thư chi bộ, UV HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 10.500 cổ phần

VII.2.3. Ông Phạm Minh Hùng

- Ngày, tháng, năm sinh: 09 tháng 08 năm 1970
- Số CMND: 012016143
- Ngày cấp: 05/03/2004 Nơi cấp: CA TP Hà Nội
- Quê quán: Hương Ngải - Thạch Thất – Hà Tây
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số 54 Hoa Bằng, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0913 228994
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tử động hoá
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh: Thành thạo
- Trình độ chính trị : Sơ cấp
- Quá trình công tác:
 - +02/1993 - 12/1995: Làm việc tại Tổng Công ty XNK XD Việt Nam
 - +01/1996 - 01/1997: Thực tập sinh – Kyoritsu Nhật Bản
 - +04/1997 - 02/1999: Làm việc tại Công ty CP XD Số 7 – Vinaconex
 - +02/1999 - 01/2004: Làm việc tại Trung tâm UDCN Tự động hoá và Truyền thông Vinaconex
 - +01/2004 - 06/2007: Làm việc tại Công ty CP Tự động hoá Truyền Thông Vinaconex.

- + 06/2007 – 07 /2007 : Làm việc tại Phòng Đầu Tư – Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
- + 07/2007 – 06/2008 : Phó trưởng Ban QLDA dự án đầu tư XD Nhà máy sản xuất chế tác đá trang trí nội thất thuộc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- + 06/2008 – 06/2009 : Ủy viên HĐQT, Phụ trách phòng Kỹ thuật, Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- + 06/2009 – đến nay : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc, Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 200.000 cổ phần

VII.2.4. Ông Ninh Quốc Cường

- Ngày, tháng, năm sinh: 02/06/1962
- Số CMND: 161427852
- Ngày cấp: 02/02/1982 Nơi cấp: CA Hà Nam
- Quê quán: Yên Ninh – Ý Yên – Nam Định
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số nhà 44, TT Viện Thiết kế, xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 01228264289
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Công nhân mộc bậc 7/7
- Trình độ ngoại ngữ:
- Trình độ chính trị : Sơ cấp
- Quá trình công tác:
- + 02/1983 - 05/1986: Là Bộ đội
- + 03/1989 - 04/1990: Giáo viên trường CNKTXD Hà Nam Ninh
- + 05/1990 - 02/1994: Làm việc tại Xưởng mộc Vinaconex
- + 03/1994 - 08/1996: Lao động tại Libya
- + 08/1997 - 02/1998: Làm việc tại Xưởng mộc Công ty VINATA
- + 03/1998 - 02/2001: Lao động tại Nhật Bản
- + 06/2001-10/2002: Đội trưởng đội mộc Công ty Liên Doanh VINATA
- + 11/2002 - 05/2003: Làm việc tại PXSX Công ty VINADECOR
- + 06/2003 - 04/2008: Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty VINADECOR
- + 05/2008 – 09/2009: Quản đốc Phân xưởng sản xuất kiêm Phó Trưởng Ban quản lý dự án “ĐTXD Nhà máy sản xuất, chế tác đá trang trí nội thất” thuộc Công ty STONE VIETNAM
- + 10/2009 - Đến nay: Phó Giám đốc, kiêm Quản đốc PXSX Công ty STONE VIETNAM

- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: Không

VII.3. Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm :

- Bổ nhiệm ông Phạm Trí Dũng Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc theo quyết định số : 41 QĐ/SVN-HĐQT ngày 22/04/2010 của HĐQT Công ty
- Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc của Ông Lưu Công An theo quyết định số: 42 QĐ/SVN-HĐQT ngày 22/04/2010 của HĐQT Công ty

VII.4. Quyền lợi của Ban Giám đốc

- Được hưởng đầy đủ các khoản tiền lương, thưởng, tiền ăn ca theo chế độ
- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm 2010: **691.074.193 đồng**

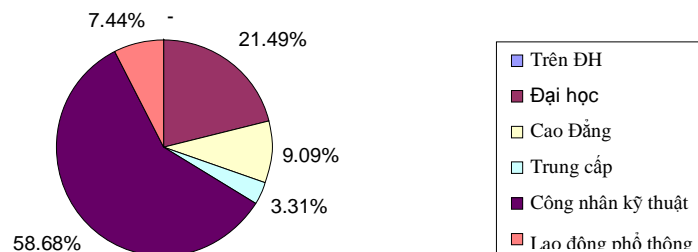
VII.5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

VII.5.1 Cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2010 tổng số lao động của Công ty Stone Vietnam là : 121 người. Cơ cấu lao động được phân theo các tiêu chí sau:

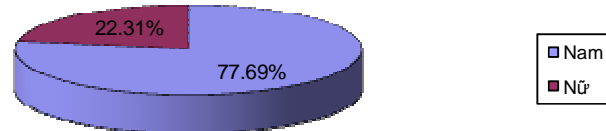
Phân theo trình độ:

Stt	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
1	Trên đại học	-	-
2	Đại học	26	21,49%
3	Cao Đẳng	11	9,09%
4	Trung cấp	4	3,31%
5	Công nhân kỹ thuật	71	58,68%
6	Lao động phổ thông	9	7,44%
Tổng cộng		121	100%



Phân theo giới tính:

Stt	Giới tính	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
1	Nam	94	77,69%
2	Nữ	27	22,31%
	Tổng cộng	121	100%



VII.5.2. Chính sách đối với người lao động

Các chế độ chính sách đối với người lao động luôn luôn được Công ty chú trọng và thực hiện tốt, thể hiện ở các điểm sau:

- Công ty luôn đảm bảo cho toàn thể CBCNV 100% có việc làm và thu nhập, thu nhập năm sau cao hơn năm trước, bình quân năm 2010 là : **4.152.000đồng/người/tháng**, tăng 35,46% so với năm 2009
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như : Bồi dưỡng làm ca 2, ca 3, chế độ khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản...đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về Lao động, hợp đồng lao động, và thoả ước Lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp kịp thời, đầy đủ cho người lao động.
- Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty : các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao được tăng cường, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.
- Thăm hỏi động viên kịp thời CBCNV khi có việc hiếu hỷ, ốm đau...thể hiện tinh thần “ lá lành đùm lá rách” Công ty cũng đã tổ chức quyên góp giúp đỡ CBCNV bị ốm đau, gặp hoàn cảnh khó khăn.
- Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.
- Trong năm 2010 không có tai nạn lao động nghiêm trọng nào xảy ra

VII.6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

- Bổ nhiệm ông Phạm Trí Dũng là Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc theo quyết định số: 41 QĐ/SVN-HĐQT ngày 22/04/2010 của HĐQT Công ty
- Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc của Ông Lưu Công An theo quyết định số: 42 QĐ/SVN-HĐQT ngày 22/04/2010 của Hội đồng quản trị Công ty

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

VIII.1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

VIII.1.1. Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập không điều hành. Danh sách như sau:

1. Ông Phạm Trí Dũng: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2. Ông Phùng Văn Toàn: Ủy viên HĐQT Kiêm Phó Giám đốc
3. Ông Phạm Minh Hùng: Ủy viên HĐQT Kiêm Phó Giám đốc
4. Ông Lưu Công An: Ủy viên HĐQT (*thành viên độc lập không điều hành*)
5. Ông Nguyễn Hữu Chương: Ủy viên HĐQT (*thành viên độc lập không điều hành*)

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT

1. Ông Phạm Trí Dũng (*Xem phần tóm tắt lý lịch của Ban điều hành*)
2. Ông Phùng Văn Toàn (*Xem phần tóm tắt lý lịch của Ban điều hành*)
3. Ông Phạm Minh Hùng (*Xem phần tóm tắt lý lịch của Ban điều hành*)
4. Ông Lưu Công An
 - Ngày, tháng, năm sinh: 15 tháng 07 năm 1965
 - Số CMND: 090427784
 - Ngày cấp: 06/09/2003 Nơi cấp: CA tỉnh Thái Nguyên
 - Quê quán: Nam Tân, Nam Trục, Nam Định
 - Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
 - Địa chỉ: P.Thắng Lợi – TX Sông Công – Tỉnh Thái Nguyên
 - Số điện thoại liên lạc: 0936 182 719
 - Trình độ văn hoá: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư động lực
 - Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh - trình độ B
 - Trình độ chính trị: Sơ cấp
 - Quá trình công tác:
 - + 1987 - 1989: Kỹ thuật viên tại Xưởng cơ khí công ty Diesel Sông Công

- + 1989 - 2000: Thiết kế viên tại phòng thiết kế công ty Diesel Sông Công
- + 2000 - 10/2004: Phó phòng thiết kế công ty Diesel Sông Công
- + 11/2004: Trưởng phòng kỹ thuật CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
- + 12/2004 - 4/2005: Quản đốc Phân xưởng Bretonstone CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
- + 5/2005 - 2/2007: Phó bí thư Chi bộ CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
- + 3/2007 – 10/2009: Phó Bí Thư Đảng Ủy, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex; Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- + 10/2009 – 04/2010: Phó Bí Thư Đảng Ủy, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex; Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- + 04/2010 – nay: Phó Bí Thư Đảng Ủy, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex; Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 17.000 cổ phần

5. Nguyễn Hữu Chương

- Ngày, tháng, năm sinh: 19 tháng 12 năm 1980
- Số CMND: 171882060
- Ngày cấp: 30/05/1997 Nơi cấp: CA tỉnh Thanh Hóa
- Quê quán: Nga Mỹ, Nga Sơn, Thanh Hóa
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: P206 Nơ10 Linh Đàm - Hoàng Mai - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tự động hóa, Thạc sỹ Tự động hóa
- Trình độ ngoại ngữ:
- Trình độ chính trị: Sơ cấp
- Quá trình công tác:
- + 06/2004 – 12/2004: Kỹ sư - Công ty CP tự động hóa và truyền thông Vinaconex
- + 01/2005 - 01/2005: Kỹ sư - Công ty CP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
- + 02/2005 – 02/2007: Phó Giám đốc Công ty CP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
- + 03/2007 – 03/2008: UV HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty CP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
- + 04/2008 – 07/2009: Giám đốc Công ty liên doanh Style Stone, UV HĐQT Công ty CP đá ốp lát cao cấp Vinaconex

- + 08/2009 – 04/2010: Công ty cổ phần Style Stone, UV HĐQT Công ty CP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
- + 04/2010 – Nay: Công ty cổ phần Style Stone, UV HĐQT Công ty CP đá ốp lát cao cấp Vinaconex, UV HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 6.000 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của các thành viên Hội đồng quản trị như sau :

1. Ông Phạm Trí Dũng : 8.100 cổ phần, chiếm 0.2 % vốn điều lệ
2. Ông Phùng Văn Toàn : 10.500 cổ phần, chiếm 0.26 % vốn điều lệ
3. Ông Phạm Minh Hùng : 200.000 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ
4. Ông Lưu Công An : 17.000 cổ phần, chiếm 0.425 % vốn điều lệ
5. Ông Nguyễn Hữu Chương: 6.000 cổ phần, chiếm 0.15% vốn điều lệ

VIII.1.2 Ban Kiểm soát

Hiện nay, Ban kiểm soát Công ty Stone Vietnam có 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Danh sách như sau:

1. Ông Lương Xuân Mẫn : Trưởng ban Kiểm soát
2. Ông Trịnh Quốc Hùng : Thành viên Ban kiểm soát
3. Bà Nguyễn Phương Thuý : Thành viên Ban kiểm soát

Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát

1. Ông Lương Xuân Mẫn

- Ngày, tháng, năm sinh: 20 tháng 07 năm 1963
- Số CMND: 011346554
- Ngày cấp: 04/10/1984 Nơi cấp: CA TP. Hà Nội
- Quê quán: Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Tây
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Nhà 504, CT5, ĐN2, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0915 521 589
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh A
- Trình độ chính trị: Sơ cấp
- Quá trình công tác:

- + 4/1987 - 4/1994: Kế toán viên Công ty thương nghiệp tổng hợp huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
- + 5/1994 - 3/1997: Kế toán trưởng Công ty thương nghiệp tổng hợp huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
- + 4/1997 - 9/2000: Kế toán viên Nhà máy bê tông và xây dựng Xuân Mai
- + 9/2000 - 7/2002: Kế toán trưởng CTCP TNHH Bê tông và xây dựng An Xuân
- + 7/2002 - 5/2005: Kế toán trưởng CTCP VINACONEX19, phường 11, thị xã Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp
- + 6/2005 - 05/2009: Kế toán trưởng, kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
- + 06/2009 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 29.000 cổ phần

2. Ông Trịnh Quốc Hùng

- Ngày, tháng, năm sinh: 27/04/1962
- Số CMND: 011505112
- Ngày cấp: 06/05/1987 Nơi cấp: CA TP. Hà Nội
- Quê quán: Minh Tân – Phú Xuyên – Hà Tây
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số 2 - Thị trấn Quốc Oai - Quốc Oai – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0912257463
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư động lực
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Pháp, Tiếng Nga
- Trình độ chính trị: Sơ cấp
- Quá trình công tác:
 - + 1986 – 1990: Kỹ sư động lực, Phó Phòng Kỹ Thuật Xí nghiệp Vật tư - Vận tải Công ty Than III – Đông Anh – Hà Nội
 - + 1991- 2001: Phụ trách kinh doanh Hãng dầu Cantex tại khu vực TP Sơn Tây, Hà Tây
 - + 2001 – 2007: Trưởng nhóm kinh doanh Công ty Bảo hiểm Prudential Việt Nam
 - + 2007 – 04/2008: Chuyên viên Phòng Tổ chức – Hành chính, Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex

+ T4/2008 - Nay: Phụ trách Phòng Tổ chức – Hành chính, kiêm Chủ tịch Công đoàn; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam

- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: Không

3. Bà Nguyễn Phương Thuý

- Ngày tháng năm sinh : 28/12/1981
- Số CMTND : 090724528
- Ngày cấp : 16/07/2003 Nơi cấp : CA Tỉnh Thái Nguyên
- Quê quán : Lý Nhân – Nam Hà
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ : Phường Gia Sàng – TP Thái Nguyên - Thái Nguyên
- Số điện thoại liên lạc : 0989 869 681
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ : Tiếng Anh
- Trình độ chính trị : Sơ cấp
- Quá trình Công tác :

+ Từ 10/2005 – 12/2006: Nhân viên thống kê PX.Bretonstone Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex

+ Từ 01/2007 -> Nay: Là Nhân viên P.Tài chính - Kế hoạch Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex, Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam

- Số lượng cổ phần đang nắm giữ : Không

Số cổ phần nắm giữ của Ban kiểm soát như sau:

1. Ông Lương Xuân Mẫn : 29.000 cổ phần, chiếm 0.725 % vốn điều lệ
2. Ông Trịnh Quốc Hùng : Không
3. Bà Nguyễn Phương Thuý : Không

Cổ đông lớn nắm giữ trên 5% vốn điều lệ là cổ đông chiến lược, không có giao dịch bán ra của các cổ đông này.

Thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí trả cho thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát : Tổng thù lao trả cho HĐQT và BKS năm 2010 là : **96.000.000đồng**

VIII. 2. Các số liệu thống kê về cổ đông/ thành viên góp vốn**VIII.2.1. Cổ đông trong nước**

Cơ cấu cổ đông theo tư cách cổ đông sau tăng vốn đến ngày 05/03/2010 :

STT	Cổ đông	Số lượng CP	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sáng lập	2.248.100	22.481.000.000	56.2
2	Cổ đông phổ thông	1.751.900	17.519.000.000	43.8
	Tổng	4.000.000	40.000.000.000	100
1	Cổ đông tổ chức	2.530.000	25.300.000.000	63.25
2	Cổ đông cá nhân	1.470.000	14.700.000.000	36.75
	Tổng	4.000.000	40.000.000.000	100

VIII.2.2 . Cổ đông nước ngoài : Không có

VIII.2.3 . Thông tin chi tiết về cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% vốn điều lệ)

STT	Tên	Số ĐKKD/CMT	Địa chỉ	Số CP	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	Số ĐKKD: 0303000293 cấp lần đầu ngày 02/06/2005 và sửa đổi lần 8 ngày 17/12 /2010 do Sở KH và ĐT TP Hà Nội cấp	Khu CNC Hoà Lạc, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội	2.040.000	20.400.000.000	51,00
2	Công ty CP Style Stone	Số GCN Đầu tư: 01203200245 cấp lần đầu ngày 17/10/2007 và sửa đổi lần thứ nhất ngày 12/08/2009 do Ban QL các KCN và Chế xuất Hà Nội cấp	KCN CNC, Khu CNC Hoà Lạc, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội	490.000	4.900.000.000	12,25
3	Ông Phạm Minh Hùng	Số CMTND: 012016143 cấp ngày 05/03/2004 tại Hà Nội	Tổ 15, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	200.000	2.000.000.000	5,00
	Tổng			2.730.000	27.300.000.000	68.25

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần 6 số 0500555916 ngày 25 tháng 05 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp (được chuyển đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000640 cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2007).

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 06 ngày 25 tháng 5 năm 2010 là: 40.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn góp điều lệ:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	20.400.000.000	51,0
Phạm Minh Hùng	2.000.000.000	5,0
Phạm Trí Dũng	81.000.000	0,2
Các cổ đông khác	17.519.000.000	43,8
Cộng	40.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 0433 601 860
Fax : 0433 688 305
E-mail : stonevietnam@gmail.com
Mã số thuế : 0 5 0 0 5 5 5 9 1 6

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, mua bán sơn, khóa, bản lề, cửa, đồ sành sứ, thủy tinh, pha lê, thiết bị vệ sinh, hàng cơ khí;
- Sản xuất, gia công, mua bán phôi thép, thép các loại;
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, chế biến, mua bán gỗ, đồ gỗ (trừ các loại gỗ nhà nước cấm);
- Sản xuất, mua bán vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y);
- Sản xuất và mua bán hàng dệt, may mặc, đồ da, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành cơ khí, xây dựng; mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành dệt, may mặc, đồ da;
- Mua bán, sửa chữa thiết bị, linh kiện, phương tiện giao thông vận tải;
- Mua bán rượu, bia, thuốc lá, đồ mỹ nghệ, đồ giải khát, đồ gia dụng, điện, điện tử, điện lạnh;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, giải trí: cầu lông, bóng bàn, bi-a, tennis (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng, kỹ thuật;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Chuyển giao công nghệ;
- Khai thác, chế biến các loại khoáng sản;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Đầu tư phát triển nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Kinh doanh Bất động sản.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 26).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính năm.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Trí Dũng	Chủ tịch	22 tháng 04 năm 2010	
Ông Hồ Xuân Năng	Chủ tịch	22 tháng 01 năm 2007	22 tháng 04 năm 2010
Ông Phùng Văn Toàn	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008	
Ông Phạm Minh Hùng	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008	
Ông Lưu Công An	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008	
Ông Nguyễn Hữu Chương	Thành viên	22 tháng 04 năm 2010	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Trí Dũng	Giám đốc	22 tháng 04 năm 2010	
Ông Lưu Công An	Giám đốc	18 tháng 10 năm 2009	22 tháng 04 năm 2010
Ông Ninh Quốc Cường	Phó Giám đốc	18 tháng 10 năm 2009	
Ông Phạm Minh Hùng	Phó Giám đốc	01 tháng 06 năm 2009	
Ông Phùng Văn Toàn	Phó Giám đốc	18 tháng 10 năm 2009	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng ban	26 tháng 06 năm 2008
Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008
Bà Nguyễn Phương Thúy	Thành viên	26 tháng 06 năm 2008

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân tích tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Trí Dũng

Ngày 25 tháng 02 năm 2011 



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 21/2011/BCTC-KTTV-KT3

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2011, từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số IV.11 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ. Việc áp dụng chính sách kế toán này làm cho khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là (36.752.651) VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí nếu áp dụng theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".



Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ 0059 /KTV

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Kiểm toán viên

Lê Xuân Bách

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1305/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.434.728.784	9.606.554.480
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.189.380.166	1.076.755.324
1. Tiền	111		2.189.380.166	1.076.755.324
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	4.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	4.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.402.164.305	2.019.188.398
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	5.778.891.089	1.986.534.536
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	610.853.253	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	12.419.963	32.653.862
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		7.338.346.069	1.598.595.657
1. Hàng tồn kho	141	V.6	7.338.346.069	1.598.595.657
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		504.838.244	412.015.101
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	74.430.577	77.010.292
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		254.117.385	230.184.959
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	176.290.282	104.819.850

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.110.952.713	33.452.992.973
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		34.634.455.527	31.626.239.914
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	34.543.775.018	31.610.639.914
<i>Nguyên giá</i>	222		41.971.048.504	35.272.585.895
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.427.273.486)	(3.661.945.981)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12.000.000	15.600.000
<i>Nguyên giá</i>	228		18.000.000	18.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.000.000)	(2.400.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	78.680.509	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.476.497.186	1.826.753.059
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.476.497.186	1.826.753.059
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		52.545.681.497	43.059.547.453

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.412.756.059	3.588.129.632
I. Nợ ngắn hạn	310		5.652.080.059	1.252.211.432
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	704.270.400	667.405.200
2. Phải trả người bán	312	V.14	3.740.209.815	451.636.284
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	99.850.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	589.971.067	13.033.998
5. Phải trả người lao động	315		267.649.920	115.843.437
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	250.128.857	4.292.513
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.760.676.000	2.335.918.200
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	1.760.676.000	2.335.918.200
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		45.132.925.438	39.471.417.821
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	45.132.925.438	39.471.417.821
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(36.752.651)	(82.769.528)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.169.678.089	(445.812.651)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		52.545.681.497	43.059.547.453

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2,00	2,00
Euro (EUR)		24,50	32,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hoàn

Lập ngày 25 tháng 02 năm 2011

Giám đốc

Phạm Tri Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	29.442.017.229	9.746.456.057
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29.442.017.229	9.746.456.057
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.494.444.071	6.758.732.983
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.947.573.158	2.987.723.074
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	328.764.739	92.776.966
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	411.893.402	321.077.894
Trong đó: chi phí lãi vay	23		182.948.044	191.798.155
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	921.172.542	283.987.308
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3.360.810.287	2.536.147.909
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.582.461.666	(60.713.071)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	977.720.703	72.589.343
12. Chi phí khác	32	VI.8	210.201.417	11.876.272
13. Lợi nhuận khác	40		767.519.286	60.713.071
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.349.980.952	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		734.490.212	19.927.726
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.615.490.740</u>	<u>(19.927.726)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>1.404</u>	<u>(6)</u>

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoàn

Lập ngày 25 tháng 02 năm 2011



Phạm Trí Dũng

37

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.349.980.952	-
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.768.927.505	3.441.307.661
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	92.163.000	82.510.502
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(302.268.528)	-
- Chi phí lãi vay	06	182.948.044	191.798.155
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.091.750.973	3.715.616.318
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.450.290.449)	511.901.944
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.739.750.412)	(641.439.553)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	3.773.566.870	(1.745.495.827)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	352.835.588	(1.131.030.905)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(182.948.044)	(191.798.155)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(177.718.236)	(13.927.726)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	85.605.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(130.693.316)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.622.357.974	503.826.096
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.698.462.609)	(7.296.057.729)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(4.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	319.268.528	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.879.194.081)	(11.796.057.729)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu CN Công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	10.000.000.000	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	750.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(630.651.600)	(1.054.985.177)	
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<u>(630.651.600)</u>	<u>9.695.014.823</u>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.112.512.293	(1.597.216.810)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	1.076.755.324	2.673.860.964	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	112.549	111.170	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	<u>2.189.380.166</u>	<u>1.076.755.324</u>	

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoàn

Lập ngày 25 tháng 02 năm 2011

Giám đốc



Phạm Trí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, gia công, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm:** Gia công, chế tác đá
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 121 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 65 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	11
Máy móc và thiết bị	08 - 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính, được khấu hao trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 04 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

10. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là trong kỳ thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam là cơ sở kinh doanh mới được thành lập năm 2007, có dự án đầu tư thực hiện trong Khu công nghiệp. Theo đó, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính Phủ: được hưởng thuế suất ưu đãi là 20% trong 10 năm đầu kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động; được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2008 và 2009) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2010).

12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2009 : 17.941 VND/USD
31/12/2010 : 24.884,22 VND/EUR

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán đá chế tác

Doanh thu bán đá chế tác được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Doanh thu xây dựng

Các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.713.244.131	341.408.833
Tiền gửi ngân hàng	476.136.035	735.346.491
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>2.189.380.166</u>	<u>1.076.755.324</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho vay ngắn hạn	-	4.500.000.000

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hóa dầu quân đội	1.865.550.960	-
Công ty TNHH KUKBO VINA	1.643.335.038	-
Công ty TNHH Thiết kế ZIOVI	520.627.860	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	388.136.320	-
Công ty TNHH Thu Anh	213.717.050	345.053.100
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Quốc tế Nam Sơn	167.302.500	-
Công ty Cổ phần Kiến trúc Xây dựng và Thương mại quốc tế	112.715.760	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuân Lâm	93.690.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công Vàng	92.665.226	278.357.876
Công ty TNHH Xây dựng và Thiết kế AAW	83.891.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư và Dịch vụ Việt Nhật	61.875.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Đại Quang	54.647.420	82.996.420
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	-	846.153.839
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nội thất TCT	-	104.115.465
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại TTT	-	61.545.318
Khách hàng khác	480.736.955	268.312.518
Cộng	<u>5.778.891.089</u>	<u>1.986.534.536</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp hoạt động SXKD	62.592.216	-
Các nhà cung cấp hoạt động đầu tư	548.261.037	-
Cộng	<u>610.853.253</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi cho vay	-	17.000.000
Phải thu tiền BH thất nghiệp của CBCNV	-	9.653.862
Phải thu tiền bồi thường thiệt hại	-	6.000.000
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	12.419.963	-
Cộng	<u>12.419.963</u>	<u>32.653.862</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.027.872.700	205.113.056
Công cụ, dụng cụ	1.359.744.153	1.151.522.742
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.350.209.155	241.959.859
Thành phẩm	600.520.061	-
Cộng	<u>7.338.346.069</u>	<u>1.598.595.657</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	57.140.472	73.520.875
Phí bảo hiểm xe ô tô	9.339.791	3.489.417
Chi phí trả trước khác	7.950.314	-
Cộng	<u>74.430.577</u>	<u>77.010.292</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	131.201.966	104.819.850
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	45.088.316	-
Cộng	<u>176.290.282</u>	<u>104.819.850</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	21.440.480.055	11.859.207.507	1.868.901.512	103.996.821	35.272.585.895
Tăng trong năm	6.676.702.609	-	-	21.760.000	6.698.462.609
<i>Mua sắm mới</i>	-	-	-	21.760.000	21.760.000
<i>XDCB hoàn thành</i>	6.676.702.609	-	-	-	6.676.702.609
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>28.117.182.664</u>	<u>11.859.207.507</u>	<u>1.868.901.512</u>	<u>125.756.821</u>	<u>41.971.048.504</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.876.134.484	1.467.863.562	285.420.540	32.527.395	3.661.945.981
Khấu hao trong năm	2.071.866.360	1.425.720.288	247.033.596	20.707.261	3.765.327.505
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>3.948.000.844</u>	<u>2.893.583.850</u>	<u>532.454.136</u>	<u>53.234.656</u>	<u>7.427.273.486</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	19.564.345.571	10.391.343.945	1.583.480.972	71.469.426	31.610.639.914
Số cuối năm	<u>24.169.181.820</u>	<u>8.965.623.657</u>	<u>1.336.447.376</u>	<u>72.522.165</u>	<u>34.543.775.018</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 3.050.788.517 VND và 2.309.961.073 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây.

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	18.000.000	2.400.000	15.600.000
Tăng trong năm	-	3.600.000	(3.600.000)
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	18.000.000	6.000.000	12.000.000

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	-	-	-	-
<i>XDCB dở dang</i>	-	6.755.383.118	6.676.702.609	78.680.509
Nhà xưởng chính số 2	-	6.676.702.609	6.676.702.609	-
Hệ thống thông gió	-	23.458.491	-	23.458.491
Lắp đặt khung nhà để xe	-	1.614.452	-	1.614.452
Khung mái che xưởng mộc	-	51.490.246	-	51.490.246
Máy mài 4 đầu	-	2.117.320	-	2.117.320
Cộng	-	6.755.383.118	6.676.702.609	78.680.509

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí thành lập doanh nghiệp	6.325.000	-	3.300.000	3.025.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	468.444.381	132.311.057	373.589.712	227.165.726
Hệ thống cáp ngầm	148.512.705	-	24.752.124	123.760.581
Tiền thuê đất	1.138.416.667	-	241.000.000	897.416.667
Chi phí đồ đất trồng cây	65.054.306	-	11.152.164	53.902.142
Cải tạo sân trước nhà điều hành	-	27.913.636	5.117.497	22.796.139
Vách ngăn nhà điều hành	-	13.544.545	3.023.336	10.521.209
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô	-	141.850.000	3.940.278	137.909.722
Cộng	1.826.753.059	315.619.238	665.875.111	1.476.497.186

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Là vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	704.270.400	667.405.200
Chi tiết về số phát sinh vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	667.405.200	-
Số tiền vay phát sinh	-	750.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	667.405.200	667.405.200
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện tại ngày 31/12/2010	36.865.200	-
Số tiền vay đã trả trong năm	(630.651.600)	(750.000.000)
Giảm khác (kết chuyển lại CLTG do đánh giá CLTG cuối năm 31/12/2009)	(36.753.600)	-
Số cuối năm	<u>704.270.400</u>	<u>667.405.200</u>

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà cung cấp hoạt động SXKD	2.940.400.416	60.979.918
Phải trả nhà cung cấp hoạt động đầu tư	799.809.399	390.656.366
Cộng	<u>3.740.209.815</u>	<u>451.636.284</u>

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Nam Hoàng Hà	52.000.000	-
Công ty TNHH LIVART VINA	47.850.000	-
Cộng	<u>99.850.000</u>	<u>-</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	386.200.113	386.200.113	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	27.927.099	27.927.099	-
Thuế xuất, nhập khẩu	9.213.023	53.966.681	37.314.099	25.865.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	734.490.212	177.718.236	556.771.976
Thuế thu nhập cá nhân	3.820.975	54.778.682	51.266.171	7.333.486
Các loại thuế khác, thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>13.033.998</u>	<u>1.260.362.787</u>	<u>683.425.718</u>	<u>589.971.067</u>

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.11

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.349.980.952	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	38.497.305	(62.558.645)
- Các khoản điều chỉnh tăng	38.497.305	127.658.555
+ Chi phí khấu hao không hợp lệ	22.363.538	22.363.538
+ Các khoản chi phí không hợp lệ khác	16.133.767	105.295.017
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(190.217.200)
+ Chênh lệch tỷ giá đã ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2008 nhưng chưa khấu trừ thuế	-	(154.165.607)
+ Chi phí CCDC đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2008 chưa khấu trừ thuế	-	(36.051.593)
Thu nhập chịu thuế	6.388.478.257	(62.558.645)
Lỗ các năm trước được chuyển	(62.558.645)	-
Thu nhập chịu thuế	6.325.919.612	(62.558.645)
Thu nhập chịu thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông (25%)	679.321.671	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (1)	169.830.418	-
Thu nhập chịu thuế TNDN do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông (20% x 50%)	5.646.597.941	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (2)	564.659.794	-
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm trước (3)	-	19.927.726
Tổng thuế TNDN phải nộp (1)+(2)+(3)	734.490.212	19.927.726

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	6.801.030	3.092.087
Bảo hiểm xã hội	234.788.235	1.200.426
Bảo hiểm thất nghiệp	6.424.876	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.114.716	-
Cộng	250.128.857	4.292.513

18. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây	1.760.676.000	2.335.918.200

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2007/HĐTD ngày 4/10/2007. Tổng số tiền vay theo hợp đồng là 26.400.000.000 đồng với mục đích là xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất chế tác đá trang trí nội thất. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25 tháng 9 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.335.918.200	3.142.917.377
Số tiền vay phát sinh	-	-
Tăng khác (do đánh lại chênh lệch tỷ giá ngày 31/12/2010)	92.163.000	165.391.200
Số tiền vay đã trả	-	(304.985.177)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(667.405.200)	(667.405.200)
Số cuối năm	<u>1.760.676.000</u>	<u>2.335.918.200</u>

19. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	30.000.000.000	-	(425.884.925)	29.574.115.075
Tăng vốn năm trước	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá năm trước	-	(82.769.528)	-	82.769.528
Lợi nhuận năm trước	-	-	(19.927.726)	19.927.726
Số dư cuối năm trước	<u>40.000.000.000</u>	<u>(82.769.528)</u>	<u>(445.812.651)</u>	<u>39.471.417.821</u>
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	(82.769.528)	(445.812.651)	39.471.417.821
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	36.642.430	-	36.642.430
Phân bổ chênh lệch tỷ giá dài hạn	-	46.127.098	-	46.127.098
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	(36.752.651)	-	(36.752.651)
Lợi nhuận trong năm	-	-	5.615.490.740	5.615.490.740
Số dư cuối năm nay	<u>40.000.000.000</u>	<u>(36.752.651)</u>	<u>5.169.678.089</u>	<u>45.132.925.438</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.709.830.936	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.240.229.326	
Doanh thu bán sản phẩm đá chế tác	9.491.956.967	9.746.456.057
Cộng	<u>29.442.017.229</u>	<u>9.746.456.057</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hợp đồng xây dựng	9.346.925.563	
Giá vốn của dịch vụ chế tác	4.279.588.154	
Giá vốn sản phẩm đá chế tác	5.867.930.354	6.758.732.983
Cộng	<u>19.494.444.071</u>	<u>6.758.732.983</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	217.268.528	6.888.889
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	23.639.201	20.009.296
Lãi tiền cho vay	85.000.000	17.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.857.010	48.878.781
Cộng	<u>328.764.739</u>	<u>92.776.966</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	182.948.044	191.798.155
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	92.163.000	82.510.502
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	136.782.358	46.769.237
Cộng	<u>411.893.402</u>	<u>321.077.894</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	656.482.791	125.832.391
Chi phí vật liệu, bao bì	-	1.616.391
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	66.225.856	62.242.355
Chi phí bảo hành	2.001.835	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.429.943	59.288.867
Chi phí bằng tiền khác	94.032.117	35.007.304
Cộng	<u>921.172.542</u>	<u>283.987.308</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.752.900.664	1.047.323.655
Chi phí vật liệu quản lý	-	12.171.719
Chi phí đồ dùng văn phòng	174.961.885	178.893.733
Chi phí khấu hao tài sản cố định	577.664.791	549.729.632
Thuế phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	414.340.315	414.603.658
Chi phí bằng tiền khác	437.942.632	330.425.512
Cộng	<u>3.360.810.287</u>	<u>2.536.147.909</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập cho thuê TSCĐ	956.517.984	61.148.182
Thu nhập từ bán nệm gỗ, thanh gỗ	21.202.719	10.442.000
Thu nhập khác	-	999.161
Cộng	<u>977.720.703</u>	<u>72.589.343</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khấu hao TSCĐ cho thuê	194.067.450	-
Chi phí khác	16.133.967	11.876.272
Cộng	<u>210.201.417</u>	<u>11.876.272</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.615.490.740	(19.927.726)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.615.490.740	(19.927.726)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	3.088.164
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.404</u>	<u>(6)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	691.194.726	400.703.727
Cộng	<u>691.194.726</u>	<u>400.703.727</u>

Bên liên quan với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	Công ty mẹ

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua đá ốp lát	14.180.384.838	1.426.962.130
Mua vật tư, thiết bị	62.638.807	852.812
Vay vốn lưu động	-	750.000.000
Lãi tiền vay phải trả	-	20.979.200
Trả triển vay vốn lưu động	-	750.000.000
Cho vay vốn lưu động	-	4.500.000.000
Lãi cho vay vốn phải thu	85.000.000	17.000.000
Doanh thu dịch vụ gia công chế tác đá	9.194.636.491	5.405.238.138
Thu nhập từ bán vật tư, gia công nên gỗ, ballet sắt, giá trung bày sản phẩm mẫu	1.241.944.689	13.504.590
Thu nhập từ cho thuê nhà xưởng và máy móc	949.245.256	-
Thu nhập từ dịch vụ nhân công	-	61.148.182
Phải thu tiền thuê gian hàng hội chợ triển lãm	-	16.636.364
Thu tiền dịch vụ đã cung cấp	-	2.100.000.000
Bù trừ công nợ	10.997.902.296	2.762.786.785
Nhận vốn góp	-	5.100.000.000
Thu hồi vốn lưu động cho vay	4.500.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, công nợ với Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ chế tác đá	-	846.153.839
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn	-	17.000.000
Phải thu tiền cho vay ngắn hạn	-	4.500.000.000
Cộng nợ phải thu	-	<u>5.363.153.839</u>

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền nhập phiêu đá	2.090.354.351	-
Cộng nợ phải trả	<u>2.090.354.351</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội.

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoàn

Lập ngày 25 tháng 02 năm 2011



Giám đốc

Phạm Tri Dũng